**TUẦN 1**

---\*\*\*---

***Thứ bảy ngày 9 tháng 9 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 9+10: BÀI 2: cà, cá**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng:**

- Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: **cà, cá**

- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.

- Viết đúng các tiếng **cà, cá** (trên bảng con)

**2. Năng lực – Phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, động vật.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ để HS làm BT 5

- Bảng con, phấn để HS làm BT6 (tập viết)

- Vở Bài tập Tiếng Việt.

- Quả cà tím, con cá

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu** (6’)  - GV viết lên bảng các chữ a, c và tiếng ca  - GV chỉ  - GV giới thiệu bài, ghi bảng  - GV chỉ tiếng **cà**, nói: **cà**  - GV chỉ tiếng **cá**, nói: **cá**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** Chia sẻ và khám phá(13’)  **2.1. Dạy tiếng** **cà**  a. Chia sẻ (BT 1: Làm quen)  - GV đưa hình quả cà  ? Đây là quả gì?  - GV viết bảng: cà  - GV đọc: cà  b. Khám phá (BT 2: Đánh vần)  \* Phân tích tiếng cà  - GV che dấu huyền ở tiếng **cà**  ? Ai đọc được tiếng này ?  - GV chỉ vào chữ **cà,** nói đây là một tiếng mới. ? So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu huyền chỉ thanh huyền  - GV đọc : **cà**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: ? Tiếng **cà** gồm có những âm nào? Thanh nào?  \* Đánh vần tiếng cà  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu huyền, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: ***cà***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***ca***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***huyền***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***cà***.  - GV cùng học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-huyền-cà***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn.  - GV giới thiệu mô hình tiếng cà  - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần: cờ - a - ca - huyền - cà  **2.2. Dạy tiếng** **cá** (tương tự tiếng cà)  - GV đưa hình con cá  ? Đây là con gì?  - GV viết bảng: cá  - GV đọc: cá  \* Phân tích  - GV che dấu sắc ở tiếng **cá**  ? Ai đọc được tiếng này ?  - GV chỉ vào chữ **cá,** nói đây là một tiếng mới. ? So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu sắc chỉ thanh sắc  - GV đọc : **cá**  - GV chỉ tiếng **cá** kết hợp hỏi: ? Tiếng **cá** gồm có những âm nào? Thanh nào?  \* Đánh vần tiếng cá  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: ***cá***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***ca***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***sắc***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***cá***.  - GV cùng học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca - sắc - cá***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn.  - GV giới thiệu mô hình tiếng cá  - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần: cờ - a - ca - sắc - cá  ? Tiếng cá khác tiếng cà ở thanh gì?  ? Các em vừa học dấu mới là dấu gì?  ? Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **cà, cá**  **3. Hoạt động luyện tập** (10’)  **3.1. Mở rộng vốn từ (BT 3:** Đố em Tiếng nào có thanh huyền**)**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn  c. Tìm tiếng có thanh huyền  - GV chỉ hình 1 **cò**, gọi HS làm mẫu  - GV chỉ hình 4 **thỏ**, gọi HS làm mẫu  - Yêu cầu HS nối dấu huyền với hình chứa tiếng có thanh huyền trong VBT  d. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - Chốt: GV chỉ từng hình  ? Tìm thêm tiếng ngoài bài có thanh huyền?  **3.2. Mở rộng vốn từ (BT4:** Tiếng nào có thanh sắc**)**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn  - Yêu cầu HS nối dấu huyền với hình chứa tiếng có thanh huyền trong VBT  c. Tìm tiếng có thanh sắc  - GV chỉ hình 1: bé, HS làm mẫu  d. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - Chốt: GV chỉ từng hình  ? Tìm thêm tiếng ngoài bài có thanh huyền?  **3.3. Ghép chữ** (3’)  - Yêu cầu HS lấy đồ dùng  - GV nêu yêu cầu: Tìm chữ và dấu trong bộ chữ, ghép 2 tiếng mới học **cà, cá**  - GV nhận xét  **5. Củng cố dặn dò:** (3’)  - Nhận xét đánh giá tiết học | - HS đọc (cá nhân, đồng thanh)  - HS nhận xét  - HS nhắc lại tên bài  - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - HS quan sát  - Quả cà  - HS đọc (cá nhân, cả lớp): cà  - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - Tiếng cà có thêm dấu  - HS lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, cả lớp) cà  - Tiếng **cà** gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu huyền đặt trên a.  - HS cả lớp nhắc lại  - HS đánh vần (cá nhân, nhóm, cả lớp)  - HS lắng nghe  - HS đánh vần (cá nhân, nhóm, cả lớp)  - HS quan sát  - Con cá  - HS đọc (cá nhân, cả lớp): cá  - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - Tiếng cá có thêm dấu  - HS lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, cả lớp) cá  - Tiếng **cá** gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu sắc đặt trên a.  - HS cả lớp nhắc lại  - HS đánh vần (cá nhân, nhóm, cả lớp)  - HS lắng nghe  - HS đánh vần (cá nhân, nhóm, cả lớp)  - HS đánh vần, đọc trơn  - HS lắng nghe  - HS nói tên từng sự vật (cả lớp)  - HS làm mẫu, nói to: cò (cò có thanh huyền)  - HS làm mẫu, nói thầm: thỏ (thỏ không có thanh huyền)  - HS làm VBT  - HS báo cáo cá nhân  - HS nêu (cả lớp)  - HS suy nghĩ, nêu  - Nhận xét  - HS nêu (cá nhân, cả lớp)  - HS làm VBT  - HS báo cáo cá nhân  - HS nêu (cả lớp)  - HS suy nghĩ, nêu  - Nhận xét  - HS lấy đồ dùng  - HS ghép  - Nhận xét |

**Tiết 10**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **3.4 Tìm hình ứng với mỗi tiếng (BT 5)**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập  - GV đưa lên bảng hình minh họa bài 5 và 3 thẻ chữ sắp xếp theo thứ tự bất kì.  - GV gọi 1 HS đọc  - Bài yêu cầu chúng ta gắn các thẻ chữ **cà, cá, ca** dưới mỗi hình tương ứng (ở trên bảng) hoặc nối hình với chữ tương ứng (VBT).  b. Thực hiện yêu cầu.  - GV chỉ từng thẻ chữ, mời HS đọc  - GV chỉ từng chữ theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp đọc.  - GV cho HS làm bài vào VBT  c. Báo cáo kết quả.  - GV gắn lên bảng lớp 2 bộ thẻ chữ và hình ảnh;  - Mời 2 HS lên bảng thi gắn nhanh chữ với hình.  - GV cho cả lớp đọc lại kết quả  - Yêu cầu HS mở SGK đọc 2 trang  **3.5. Tập viết (bảng con - BT6)**  a. Chuẩn bị  - Yêu cầu HS lấy bảng con, phấn.  b. Làm mẫu  - GV viết bảng: cà, cá  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết:  + Dấu huyền: Nét xiên phải ngắn. Dấu sắc: viết nét xiên trái ngắn. Độ nghiêng của các dấu vừa phải; vị trí hai dấu đề nằm trong khoảng cách giữa ĐK 3 và ĐK 4.  + Tiếng cà:  + Tiếng cá:  c. Thực hành viết  - Cho HS viết trên khoảng không  - Yêu cầu HS viết b/c  d. Báo cáo kết quả  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét  **4. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học  - VN tìm thêm tiếng có thanh uyền, tiếng có thanh sắc. Tập viết chữ trên b/c  - Xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện | - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS đọc : **cà, cá, ca**  - HS theo dõi  - HS đọc (cá nhân, lớp) **cà, cá, ca**  - Cả lớp đọc  - HS làm VBT  - HS lên bảng thi gắn  - HS chỉ hình, chỉ chữ, nói kết quả  - Cả lớp đọc lại kết quả  - HS mở SGK đọc 2 trang  - Nhận xét  - HS lấy bảng  - HS đọc  - HS quan sát  - HS viết trên không  - HS viết b/c: cà, cá  - HS giơ bảng  - Nhận xét |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………